TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11-4-2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Kiệm; Ông Giáp Văn Phẩm.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 395/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 19/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1970 (Có mặt)

Bị đơn: Anh Nông Văn V, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13/11/2018 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày:

Chị và anh Nông Văn V đến với nhau là do mai mối nhưng việc chị về chung sống với anh V là tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào tháng 10 năm 1987. Vợ chồng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc từ khi cưới đến đầu năm 1991 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do anh Vui thường xuyên có hành vi bạo hành đối với chị. Vì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên năm 2011 chị bỏ đi lao động ở nước ngoài, đến năm 2016 chị trở về nhưng anh V vẫn không thay đổi lối sống khiến chị phải thuê nhà ra ở riêng, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ đó cho đến nay. Từ tháng 4/2018 chị bỏ quê đi làm ăn xa, thỉnh

thoảng khi có công việc gia đình thì chị mới về. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với anh Nông Văn V.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Nông Văn D sinh năm 1989 và Nông Văn Đ, sinh năm 1993. Hiện nay các con chị đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về tài sản, công nợ, đất ruộng nông nghiệp: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị N xin chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2019 bị đơn anh Nông Văn V trình bày:

Anh và chị Dương Thị N chung sống với nhau từ cuối năm 1987. Vợ chồng đến với nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Nhưng vợ chồng không đi đăng ký kết hôn ở cơ quan có thẩm quyền. Sau ngày cưới chị Nga về gia đình anh làm dâu tại thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi cưới đến nay, không có mâu thuẫn gì. Trong cuộc sống hàng ngày thi thoảng xảy ra một số bất đồng nhỏ, không có mâu thuẫn gì lớn dẫn đến việc phải ly hôn. Anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên mong muốn chị N suy nghĩ lại để về đoàn tụ, việc chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh không nhất trí.

-Về con chung: Vợ chồng anh sinh được hai người con chung là Nông Văn D sinh năm 1989 và Nông Văn Đ, sinh năm 1993. Hiện nay các con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng. Anh không yêu cầu Tòa án xem xét vấn đề này.

-Về tài sản, công nợ, đất ruộng nông nghiệp: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh V nhất trí để chị N chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nông Văn V. Về vấn đề con chung, cấp dưỡng, tài sản, công nợ, ruộng đất chung chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn: Anh Nông Văn V vắng mặt lần thứ hai không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của phía nguyên đơn đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nông Văn V được triệu tập hợp lệ lần này là lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; Điều 35; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị N, không công nhận chị Dương Thị N và anh Nông Văn V là vợ chồng.

- Về con chung, tài sản, công nợ, ruộng đất chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn chị Dương Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Dương Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L giải quyết cho chị và anh Nông Văn V được ly hôn. Xét thấy cả nguyên đơn và bị đơn đều có địa chỉ cư trú tại thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ngày 04/4/2019 Hội đồng xét xử sơ thẩm đã phải hoãn phiên tòa lần thứ nhất vì bị đơn là anh Nông Văn V vắng mặt không lý do. Sau đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập lần thứ hai cho anh V nhưng tại phiên tòa hôm nay anh V vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị N và anh Nông Văn V chung sống với nhau từ tháng 10 năm 1987 trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng vợ chồng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Căn cứ vào lời khai của cả hai bên đương sự và những tài liệu được xác minh, thu thập có đủ căn cứ để khẳng định việc chị Dương Thị N và anh Nông Văn V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1987 đến nay là sự kiện có thật. Vợ chồng anh chị chung sống sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi cưới đến đầu năm 1991 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có tiếng nói chung, do mâu thuẫn trầm trọng nên đến năm 2011 chị N bỏ đi nước ngoài lao động, năm 2016 chị N trở về nhưng anh V vẫn không thay đổi, do vậy chị N phải thuê nhà ra ở riêng.

Nay chị Dương Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Mặc dù anh Nông Văn V không đồng ý nhưng xét thấy thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu (từ năm 2016 đến nay) chứng tỏ đời sống chung không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị N để giải quyết cho chị N và anh V được ly hôn nhưng vì vợ chồng không đăng ký kết hôn nên cần áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014 để xử "Không công nhận chị Dương Thị N và anh Nông Văn V là vợ chồng", xét thấy như vậy là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Chị Dương Thị N và anh Nông Văn V sinh được hai người con chung là Nông Văn D, sinh năm 1989 và Nông Văn Đ, sinh năm 1993. Vấn đề con chung vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị Dương Thị N và anh Nông Văn V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị N: Không công nhận chị Dương Thị N và anh Nông Văn V là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Dương Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Dương Thị N đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0005198 ngày 03 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Xác nhận chị Dương Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- UBND xã C, huyện L;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao.
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn